DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀ NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 CỦA HUYỆN TAM ĐƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý, sử dụng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
1	Nhà máy chế biến chè Bản Giang	Xã Bản Giang	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,51ha	0.36	Theo hiện trạng	0.51	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (SKC)	Văn bản số 2408/UBND-TH ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận nghiên cứu khảo sát, đề xuất phương án đầu tư dự án "Xây dựng nhà máy chế biến chè tại huyện Tam Đường	Điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Tam Đường (tăng 0,15 ha so với quy hoạch đã được duyệt)
2	Nhà máy chế biến chè chất lượng cao tại xã Thèn Sin, huyện Tam Đường	Xã Thèn Sin	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 1,88ha		Theo hiện trạng	1.88	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (SKC)	Văn bản số 242/UBND-TH ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận nghiên cứu khảo sát, đề xuất phương án đầu tư dự án nhà máy chế biến chè chất lượng cao tại xã Thèn Sin, huyện Tam Đường	Điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Tam Đường
3	Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do ADB và chính phủ Úc tài trợ	Xã Bản Bo	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 4,69 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 8,22 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 6,13 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 6,66 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 10,14 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 10,55 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 12,01 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 1,74 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC) 0,10 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD) 0,09 ha; đất công trình bưu chính, viễn thông (DBV) 0,03 ha; đất thương mại, dịch vụ (TMD) 0,13 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX) 0,77 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) 3,09 ha; đất giao thông (DGT) 30,98 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,15 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH) 0,05 ha; đất công trình năng lượng (DNL) 0,32 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD) 0,11 ha; đất sông suối (SON) 1,89 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 5,14 ha.	98.99	Theo hiện trạng	102.99	Đất giao thông (DGT); đất ở nông thôn (ONT)	Quyết định số 949/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính Phủ; Các Quyết định số 2034/QĐ-BGTVT ngày 17/9/2018 và số 1630/QĐ-BGTVT ngày 30/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 08/6/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung diện tích tăng thêm 4,0 ha và ranh giới thực hiện công trình, dự án (hạng mục: Xây dựng khu tái định cư Bản Bo, xã Bản Bo)

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý, sử dụng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
4	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Hà Giang, xã Bản Giang	Xã Bản Giang	Đất trồng cây lâu năm CLN (0,14ha); đất rừng sản xuất RSX (0,25ha)	4.07	Đất bằng trồng cây hàng năm khác BHK (1,55 ha); đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác NHK (0,42 ha); đất trồng cây lâu năm CLN (0,76 ha);đất rừng sản xuất RSX (1,34 ha)	4.46	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX)	Giấy phép thăm dò khoáng sản số 956/GP-UBND ngày 17/08/2018 của UBND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong "Báo cáo tính trữ lượng khoán sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Hà Giang (1,3 ha), xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Điều chỉnh, bổ sung diện tích (0,39 ha) và ranh giới thực hiện công trình, dự án
5	Khu đất thương mại, dịch vụ tại xã Bản Bo, huyện Tam Đường	Xã Bản Bo	Đất trồng lúa nước còn lại LUK (0,155 ha); đất trồng cây lâu năm CLN (0,0337 ha)		Có 687,73 m2 được quy hoạch là đất giao thông, còn lại theo hiện trạng	0.19	Đất thương mại, dịch vụ (TMD)	Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân theo Đơn đăng ký ngày 13/01/2022	Điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Tam Đường

4.07